

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Lý Ba

Bà Nguyễn Kim Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Văn Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp P, xã X, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- **Bị đơn:** Ông Phan Văn N, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp A, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2009 bà và ông Phan Văn N chung sống với nhau như vợ chồng, ngày 06/5/2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, nên bà và ông Phan Văn N đã

sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn N.

Về con chung, bà và ông Phan Văn N có 02 người con tên là Phan Cẩm M (giới tính nữ), sinh ngày 21/10/2009 và Phan Nguyễn Lil Đ (giới tính nữ), sinh ngày 17/9/2011, hiện do ông Phan Văn N đang nuôi dưỡng. Nay bà yêu cầu giao con cho ông Phan Văn N tiếp tục nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/02/2023 của Tòa án, ông Phan Văn N trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang vào ngày 06/5/2009. Do bà H đi làm không về nên xảy ra mâu thuẫn, ông và bà H đã không còn sống chung như vợ chồng từ tháng 09 năm 2022 đến nay, nay ông đồng ý ly hôn với bà H. Về con chung, ông và bà H có 02 người con chung là Phan Cẩm M, sinh ngày 21/10/2009 và Phan Nguyễn Lil Đ, sinh ngày 17/9/2011, hiện cả hai người con đang sống với ông, nay ông yêu cầu giao cả hai người con cho ông tiếp tục nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung là không có, không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị H ly hôn ông Phan Văn N. Về con chung, giao 02 người con chung là Phan Cẩm M, sinh ngày 21/10/2009 và Phan Nguyễn Lil Đ, sinh ngày 17/9/2011 cho ông Phan Văn N tiếp tục nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện ông Phan Văn N yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, bị đơn ông Phan Văn N cư trú tại ấp A, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn N có yêu cầu xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn N là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân, bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn N kết hôn năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị H xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm thường hay cự cãi, bà và ông N đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2022 đến nay, nay ông Phan Văn N cũng đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà H và ông N thống nhất ly hôn. Từ đó, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn N ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn N xác định có hai người con chung là Phan Cẩm M, sinh ngày 21/10/2009 và Phan Nguyễn Lil Đ, sinh ngày 17/9/2011, nay bà H và ông N thống nhất thỏa thuận giao hai người con cho ông Phan Văn N tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung hiện đang sống với ông N và có nguyện vọng tiếp tục chung sống với ông N. Vì vậy, để ổn định tâm lý, môi trường sống, học tập của con chung nên giao hai người con cho ông Phan Văn N tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ. Ông Phan Văn N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng xong nay chuyển thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H ly hôn ông Phan Văn N.

2. Về con chung: Giao con là Phan Cẩm M (giới tính nữ), sinh ngày 21/10/2009 và Phan Nguyễn Lil Đ (giới tính nữ), sinh ngày 17/9/2011 cho ông Phan Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị H không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018300 ngày 18 tháng 10 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, như vậy bà Nguyễn Thị H không còn phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã X,
- huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Vẹn